

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 21 /2011/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 22 tháng 8 năm 2011

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng  
dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15/9/2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15/9/2008 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 264/TTr-STNMT ngày 15/8/2011,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**Điều 2.** Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục KT văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các Phó CT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử;
- Công báo tỉnh;
- Lưu VT- KTN4. HC

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hữu Hải**

**QUY CHẾ**

**Thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu  
về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum**  
(kèm theo Quyết định số 21/2011/QĐ-UBND ngày 21/8/2011 của UBND tỉnh)

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.**

Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ (sau đây gọi chung là dữ liệu về tài nguyên và môi trường); trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng.**

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**Điều 3. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường**

Dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải là các bản chính, bản gốc gồm tài liệu, mẫu vật, số liệu đã được xử lý và lưu trữ theo quy định. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường bao gồm:

1. Dữ liệu về đất đai gồm:

a. Số liệu phân hạng, đánh giá đất, thống kê, kiểm kê đất đai và bản đồ phân hạng đất, bản đồ hiện trạng sử dụng đất; hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; số liệu điều tra về giá đất;

b. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt;

c. Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, đăng ký biến động đất đai và thực hiện các quyền của người sử dụng đất.

d. Hồ sơ địa chính;

2. Dữ liệu về tài nguyên nước gồm:

a. Số lượng, chất lượng nước mặt, nước dưới đất;

b. Số liệu điều tra khảo sát địa chất thủy văn;

c. Các dữ liệu về khai thác và sử dụng tài nguyên nước;

d. Quy hoạch các lưu vực sông, quản lý, khai thác, bảo vệ các nguồn nước quốc

tế;

đ. Hồ sơ cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép, trả lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; trám lấp giếng khoan;

e. Hồ sơ, dữ liệu về các yếu tố ảnh hưởng đến tài nguyên nước.

3. Dữ liệu về địa chất và khoáng sản gồm:

a. Thống kê trữ lượng khoáng sản;

b. Kết quả điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và các mẫu vật địa chất, khoáng sản;

c. Quy hoạch, kế hoạch điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, quy hoạch về thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản;

d. Bản đồ địa chất khu vực, địa chất tai biến, địa chất môi trường, địa chất khoáng sản, địa chất thủy văn, địa chất công trình và các bản đồ chuyên đề về địa chất và khoáng sản;

đ. Khu vực đầu thầu hoạt động khoáng sản; khu vực có khoáng sản đặc biệt, độc hại; các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

e. Báo cáo hoạt động khoáng sản; báo cáo quản lý nhà nước hàng năm về hoạt động khoáng sản;

g. Hồ sơ cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép, trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản, cho phép tiếp tục thực hiện quyền hoạt động khoáng sản.

4. Dữ liệu về môi trường gồm:

a. Các kết quả điều tra, khảo sát về môi trường;

b. Dữ liệu, thông tin về đa dạng sinh học;

c. Quyết định, file dữ liệu Báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt; danh sách dự án đã được phê duyệt hàng năm; giấy xác nhận cam kết bảo vệ môi trường;

d. Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về môi trường;

đ. Kết quả về giải quyết bồi thường thiệt hại về môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết;

e. Hồ sơ các khu vực bị ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; danh sách các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã được đưa ra khỏi danh sách;

g. Danh sách, thông tin về các nguồn thải, chất thải có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường;

h. Kết quả điều tra, khảo sát về hiện trạng môi trường, chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường;

i. Thông tin, dữ liệu về quan trắc môi trường, báo cáo hiện trạng môi trường;

5. Dữ liệu về khí tượng thủy văn gồm:

a. Các kết quả điều tra cơ bản về khí tượng thủy văn, môi trường không khí và nước, biến đổi khí hậu, suy giảm tầng ô zôn;

b. Các loại biểu đồ, bản đồ, ảnh thu từ vệ tinh, các loại phim, ảnh về các đối tượng nghiên cứu khí tượng thủy văn;

c. Hồ sơ kỹ thuật của các công trình khí tượng thủy văn;

d. Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về hoạt động khí tượng thủy văn.

6. Dữ liệu về đo đạc và bản đồ gồm:

- a. Thông tin tư liệu về hệ quy chiếu quốc gia;
- b. Hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia; hệ thống điểm đo đạc cơ sở, điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng;
- c. Hệ thống ảnh máy bay, ảnh vệ tinh phục vụ đo đạc và bản đồ;
- d. Hệ thống bản đồ địa hình, bản đồ nền, bản đồ biên giới quốc gia, bản đồ địa chính cơ sở, bản đồ hành chính, bản đồ địa lý tổng hợp và các loại bản đồ chuyên đề khác;
- đ. Hệ thống thông tin địa lý;
- e. Thông tin tư liệu thứ cấp được hình thành từ các thông tin tư liệu về đo đạc và bản đồ nêu tại các điểm a, b, c, d, đ khoản này và thông tin tư liệu tích hợp của thông tin tư liệu về đo đạc và bản đồ với các loại thông tin tư liệu khác;
- g. Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về hoạt động đo đạc và bản đồ.

7. Hồ sơ về giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

8. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường.

9. Hồ sơ, kết quả của các dự án, chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường.

10. Dữ liệu khác liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường.

#### **Điều 4. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường**

Việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

1. Phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh;
2. Bảo đảm tính chính xác, trung thực, khách quan;
3. Bảo đảm tính khoa học, thuận tiện cho khai thác và sử dụng;
4. Bảo đảm tính kịp thời, đầy đủ và có hệ thống;
5. Sử dụng dữ liệu đúng mục đích;
6. Khai thác và sử dụng dữ liệu phải thực hiện nghĩa vụ tài chính (đối với các trường hợp được quy định tại Khoản 2, Điều 17, Quy chế này);
7. Tuân theo các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

## **Chương II**

### **THU THẬP, QUẢN LÝ DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG.**

#### **Điều 5. Lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu**

##### **1. Lập và phê duyệt kế hoạch thu thập dữ liệu**

a. Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao xác định dữ liệu cần thu thập, đề xuất các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15/9 hàng năm để tổng hợp kế hoạch thu thập dữ liệu dự kiến.

b. Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp đề xuất của các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố có dữ liệu tài nguyên và môi trường xây dựng kế hoạch chính thức trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh, trước ngày 30/10 hàng năm.

c. Sau khi phê duyệt, UBND tỉnh gửi kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã phê duyệt đến Bộ Tài nguyên và Môi trường.

##### **2. Thực hiện kế hoạch.**

a. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp UBND tỉnh triển khai thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm;

b. Việc thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải tuân thủ đúng nguyên tắc, quy định, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về thu thập, cập nhật dữ liệu. Nội dung dữ liệu thu thập phải phù hợp, chính xác, kịp thời, hiệu quả. Ưu tiên mục tiêu dài hạn. Ưu tiên dữ liệu có thể dùng cho nhiều mục đích khác nhau;

c. Trường hợp pháp luật quy định việc thu thập dữ liệu phải được phép của UBND tỉnh thì Sở Tài nguyên và Môi trường phải làm thủ tục xin phép theo quy định và chỉ được tiến hành thu thập dữ liệu sau khi được UBND tỉnh cho phép;

d. Việc thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường thuộc danh mục tài liệu bí mật nhà nước phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

##### **3. Các hình thức thu thập, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường.**

a. Yêu cầu cung cấp dữ liệu, tiếp nhận dữ liệu từ các tổ chức và cá nhân theo quy định;

b. Quan trắc, điều tra, khảo sát;

c. Nghiên cứu, dự báo;

d. Tổng hợp, tạo lập dữ liệu và các hình thức khác.

#### **Điều 6. Trách nhiệm cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường**

Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thành phố có tài liệu liên quan đến tài nguyên và môi trường do mình tạo lập bằng nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước đều có trách nhiệm giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường sau khi được phê duyệt và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu.

### **Điều 7. Quản lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã thu thập được.**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn có trách nhiệm giúp UBND tỉnh quản lý việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường ở địa phương

2. Trung tâm Công nghệ Thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lưu trữ dữ liệu về tài nguyên và môi trường của cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của địa phương.

### **Điều 8. Chế độ bảo mật dữ liệu về tài nguyên và môi trường**

1. Việc in, sao, chụp, vận chuyển, giao nhận, truyền dữ liệu, vận chuyển tài liệu, lưu trữ, bảo quản, cung cấp dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước và các hoạt động khác liên quan đến phạm vi bí mật nhà nước phải tuân thủ theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện thu thập, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường được cấp quyền truy cập riêng, nhất định trong từng thành phần dữ liệu, bảo đảm quản lý chặt chẽ đối với quyền truy cập thông tin trong cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Các cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải thực hiện bảo mật theo mức độ bảo mật quy định và phải có phương án bảo vệ các dữ liệu.

### **Điều 9. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, giao nộp dữ liệu về tài nguyên và môi trường**

1. Tuân thủ các quy định, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật trong thu thập, quản lý tài liệu.

2. Giao nộp dữ liệu thu thập được cho Sở Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp thu thập dữ liệu bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật khi cung cấp dữ liệu không chính xác, gây thiệt hại cho người khác khi sử dụng dữ liệu đó.

4. Không được lợi dụng việc cung cấp dữ liệu để sách nhiễu, trục lợi, phát tán tài liệu, dữ liệu trái với quy định của pháp luật.

5. Được từ chối yêu cầu cung cấp dữ liệu trái quy định của pháp luật.

### **Điều 10. Kinh phí thu thập, quản lý dữ liệu tài nguyên và môi trường.**

Kinh phí thu thập, xử lý dữ liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh do ngân sách nhà nước đảm bảo và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

## **Chương III**

### **KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG.**

### **Điều 11. Công bố danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường**

Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

**Điều 12. Hình thức, thủ tục khai thác, sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện theo các hình thức sau đây:

- a. Khai thác và sử dụng dữ liệu trên mạng Internet qua Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Trang tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường.
- b. Khai thác và sử dụng dữ liệu thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu;
- c. Khai thác và sử dụng dữ liệu bằng hình thức hợp đồng giữa cơ quan quản lý dữ liệu và bên khai thác, sử dụng dữ liệu theo quy định của pháp luật.

2. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu theo hình thức phiếu hoặc văn bản yêu cầu được thực hiện theo quy định sau:

- a. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng dữ liệu nộp phiếu yêu cầu hoặc gửi văn bản yêu cầu cho cơ quan quản lý dữ liệu quy định tại Điều 18 Quy chế này;
- b. Khi nhận được văn bản yêu cầu hợp lệ của tổ chức, cá nhân, cơ quan quản lý dữ liệu thực hiện việc cung cấp dữ liệu cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu khai thác và sử dụng dữ liệu. Thời hạn cung cấp dữ liệu do các bên thỏa thuận. Trường hợp từ chối cung cấp dữ liệu thì phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**Điều 13. Trình tự, thủ tục cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường được thực hiện như sau:**

1. Nộp văn bản hoặc phiếu yêu cầu trực tiếp tại cơ quan quản lý và lưu trữ dữ liệu. Nếu người yêu cầu cung cấp dữ liệu là cơ quan Nhà nước thì có thể gửi văn bản, phiếu yêu cầu thông qua bưu điện, fax.
2. Cơ quan quản lý dữ liệu tiếp nhận văn bản hoặc phiếu yêu cầu.
3. Thông báo nghĩa vụ tài chính (đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo Khoản 2 Điều 17 Quy chế này).
4. Ký kết hợp đồng (nếu cần).
5. Trả kết quả.

**Điều 14. Những trường hợp không cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường.**

1. Văn bản yêu cầu cung cấp mà nội dung không rõ ràng, cụ thể; yêu cầu cung cấp dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước.
2. Văn bản yêu cầu không có chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu xác nhận đối với tổ chức; phiếu yêu cầu không có chữ ký, tên, địa chỉ cụ thể của cá nhân yêu cầu cung cấp dữ liệu.
3. Không có, không rõ hoặc mục đích sử dụng không phù hợp với quy định của pháp luật.
4. Không thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

**Điều 15. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân khai thác sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.**

1. Tuân thủ triệt để các nguyên tắc quy định tại Điều 4 Quy chế này.
2. Không được cung cấp cho bên thứ ba dữ liệu do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cung cấp cho mình để khai thác, sử dụng, trừ trường hợp đã giao kết trong hợp đồng.
3. Trả chi phí khai thác, sử dụng dữ liệu (trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 17 Quy chế này).
4. Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý dữ liệu những sai sót của dữ liệu đã cung cấp.
5. Được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác sử dụng dữ liệu của mình.
6. Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi bên cung cấp dữ liệu cung cấp dữ liệu không chính xác gây thiệt hại cho mình.

**Điều 16. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân được quyền truy cập dữ liệu về tài nguyên và môi trường.**

1. Truy cập đúng địa chỉ, mã khóa. Không được làm lộ địa chỉ, mã khóa truy cập đã được cấp.
2. Chỉ được khai thác sử dụng dữ liệu trong phạm vi mình được cấp. Không xâm nhập trái phép cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường, sử dụng đúng mục đích.
3. Quản lý nội dung các dữ liệu đã khai thác, không được cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp đã thỏa thuận, được phép của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.
4. Không được thay đổi, xóa, hủy, sao chép, tiết lộ, hiển thị, di chuyển trái phép một phần hoặc toàn bộ dữ liệu; không được tạo ra hoặc phát tán phần mềm làm rối loạn, thay đổi, phá hoại cơ sở dữ liệu.
5. Thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ tài chính, tuân theo các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, chịu trách nhiệm về sai phạm do khai thác, sử dụng dữ liệu gây ra.

**Điều 17. Kinh phí khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.**

1. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường được thu thập bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để phục vụ cho các mục đích quốc phòng và an ninh, phục vụ yêu cầu trực tiếp của lãnh đạo Đảng và Nhà nước hoặc trong tình trạng khẩn cấp thì không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.
2. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu không thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.
3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thu, nộp, sử dụng phí khai thác các dữ liệu về tài nguyên và môi trường.



**Chương IV**  
**TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN**  
**QUẢN LÝ DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG.**

**Điều 18. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường**

1. Chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định hình thức khai thác dữ liệu tài nguyên và môi trường trên mạng Internet qua Cổng Thông tin điện tử của tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường;

2. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, trình UBND tỉnh kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm và tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt;

3. Tiếp nhận, xử lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường; xây dựng, tích hợp, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường địa phương;

4. Cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường cho các tổ chức, cá nhân theo quy định; ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường; thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu của cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường địa phương theo quy định;

5. Xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường của địa phương và tổ chức công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên Internet, trang điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường và Cổng thông tin điện tử của tỉnh; biên tập, phát hành cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của địa phương;

6. Tham mưu cho UBND tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật;

**Chương V**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.**

**Điều 19. Xử lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được điều tra, thu thập trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.**

Các dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được xây dựng, điều tra, thu thập bằng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành được xử lý như sau:

1. Đối với những dữ liệu đã được nghiệm thu, đánh giá thì các cơ quan, tổ chức đang quản lý dữ liệu có trách nhiệm giao nộp toàn bộ dữ liệu đó cho Trung tâm Công nghệ Thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời hạn giao nộp dữ liệu về tài nguyên và môi trường hoàn thành chậm nhất là 06 tháng, kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

2. Đối với những dữ liệu chưa được nghiệm thu, đánh giá hoặc đang triển khai thực hiện. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức đã được nhà nước cấp kinh phí để điều tra, thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường có trách nhiệm thẩm định, nghiệm thu,

đánh giá các dữ liệu, đưa vào sử dụng theo Quy chế này và giao nộp về cho Trung tâm Công nghệ Thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời hạn giao nộp dữ liệu về tài nguyên và môi trường hoàn thành chậm nhất là 06 tháng, kể từ ngày kết thúc Dự án.

3. Đối với những dự án, đề án, đề tài, chương trình đang triển khai thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước thì tổ chức, cá nhân phải giao nộp cho cơ quan quản lý dữ liệu theo quy định tại Điều 18 Quy chế này.

**Điều 20. Tổ chức thực hiện.**

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo quy định.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp. *HC*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
ĐẠI HỘI CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hữu Hải**